TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2019
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Vào ngày 15 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 349/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phùng Văn M, sinh năm 1980 (có mặt)

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phùng Văn M trình bày*: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết S tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cụ cãi nhau, nên anh với chị S đã sống ly thân hơn 03 tháng nay. Nay anh xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị S, về con chung anh với chị S có 01 người con chung tên Phùng Tuấn Kiệt, sinh ngày 09/12/2003, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị Tuyết S, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải và xét xử nhưng chị S vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Phùng Văn M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết S là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị S vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị S không được pháp luật bảo vệ. Xét thấy hôn nhân giữa anh M với chị S có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân vi phạm về mặt hình thức nên anh M với chị S không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi con do từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì người con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy chị S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị S không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của anh M. Mặt khác, người con chung có nguyện vọng được sống chung với anh M. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phùng Tuấn Kiệt.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh M không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh M xác định không có, chị S không có ý kiến đối với tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm anh M phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

** Tuyên xử:*

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa anh Phùng Văn M với chị Nguyễn Thị Tuyết S.

Về con chung: Giao người con chung tên Phùng Tuấn Kiệt, sinh ngày 09/12/2003 cho anh Phùng Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Tuyết S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Phùng Văn M phải nộp 300.000 đồng, anh M đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004061, ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, anh Phùng Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Tuyết S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Hận

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.